

**TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (2024 - 2025)**

**MÔN: ĐỊNH HƯỚNG TIN HỌC ỨNG DỤNG 11 - CÁNH DIỀU**

| STT  | Chương/chủ đề                                               | Nội dung/đơn vị kiến thức                             | Mức độ nhận thức |     |            |     |          |     | Tổng % điểm |
|------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|-----|------------|-----|----------|-----|-------------|
|      |                                                             |                                                       | Nhận biết        |     | Thông hiểu |     | Vận dụng |     |             |
|      |                                                             |                                                       | TN               | Đ/S | TN         | Đ/S | TN       | Đ/S |             |
| 1    | Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức                       | Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | 0                | 0   | 1          | 0   | 1        | 0   | 5.0%        |
|      |                                                             | Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet.       | 0                | 0   | 1          | 0   | 1        | 0   | 5.0%        |
|      |                                                             | Những bộ phận chính bên trong máy tính                | 1                | 1   | 1          | 1   | 1        | 0   | 27.5%       |
| 2    | Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin   | Tìm kiếm và trao đổi thông tin trên mạng              | 3                | 1   | 2          | 0   | 2        | 0   | 27.5%       |
| 3    | Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số | Ứng xử văn hóa và an toàn trên mạng                   | 2                | 0   | 1          | 0   | 1        | 1   | 20%         |
| 4    | Chủ đề E. Ứng dụng tin học                                  | 1. Chỉnh sửa ảnh, tạo ảnh động                        | 3                | 0   | 1          | 0   | 0        | 0   | 10%         |
|      |                                                             | 2. Làm phim hoạt hình, video                          | 1                | 0   | 1          | 0   | 0        | 0   | 5.0%        |
| Tổng |                                                             |                                                       | 10               | 2   | 8          | 1   | 6        | 1   | 28/ 100%    |

|             |     |     |     |     |     |     |      |
|-------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|
| Tổng điểm   | 2.5 | 2.0 | 2.0 | 1.0 | 1.5 | 1.0 | 10   |
| Tổng        | 12  |     | 9   |     | 7   |     | 28   |
| Tỉ lệ %     | 45% |     | 30% |     | 25% |     | 100% |
| Tỉ lệ chung | 75% |     |     |     | 25% |     | 100% |